TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 12-3-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Ông Trần Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 389/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; cư trú tại: Số nhà x, tổ y, ấp Thạnh T, xã Thạnh T, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; có mặt;

Ông Phạm Minh L, sinh năm 1969; vắng mặt;

Anh Phạm Minh C, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ y, ấp Thạnh T, xã Thạnh T, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 25/01/2019, bà có cho vợ chồng ông Phạm Minh L, bà Nguyễn Thị H và con trai là Phạm Minh C vay số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng để làm vốn mua bán bắp. Khi vay có làm giấy viết tay do bà H và anh C ký tên. Do ông L không có mặt nên không ký tên. Trong giấy nợ: Bà H và anh C hẹn trả trong vòng 14 tháng kể từ ngày 25/01/2019 đến khi trả hết nợ, mỗi tháng trả 5.000.000 (năm triệu) đồng nhưng không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông Phạm Minh L, bà Nguyễn Thị H và anh Phạm Minh C hoàn trả cho bà 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25/01/2019 (ngày lập giấy nợ) cho đến khi kết thúc vụ kiện, mỗi người có trách nhiệm trả một phần ba khoản nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2020, bị đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận vào ngày tháng nào bà không nhớ chính xác, bà có lăn tay vào một tờ giấy do bà L đưa. Bà không biết chữ nhưng bà hiểu nội dung là bà còn nợ bà L 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng tiền hụi chết. Quá trình phát sinh số nợ như sau: Bà và bà L có giao dịch góp hụi, thời gian không nhớ. Bà L không đưa giấy tờ hụi cho bà, chỉ khi hốt hụi được số tiền khoảng hơn 19.000.000 (mười chín triệu) đồng, nhưng bà L tính toán tiền nợ hụi viết thành 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu con trai bà là Phạm Minh C có mặt cùng ký tên vào giấy thì bà mới đồng ý giao tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng. Anh C có đến và viết giấy nợ theo yêu cầu của bà L; hai mẹ con cùng lăn tay. Mỗi tháng bà phải trả 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bà đã trả được 03 kỳ hụi chết là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sau đó do Covid-19 nên không trả tiếp; việc trả không có giấy tờ hay chứng cứ gì. Nên chỉ còn nợ 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng. Về trách nhiệm trả nợ: Bà chỉ đồng ý một mình bà trả số nợ trên cho bà L, không liên quan đến ông L và anh C. Bà không đồng ý trình bày của bà Lan xác định đây là nợ vay, mà theo bà đây là nợ hụi. Khi làm giấy bà L cũng không yêu cầu tính tiền lãi nên bà không chấp nhận việc trả tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2020, bị đơn – ông Phạm Minh L trình bày: Ông không có liên quan đến khoản nợ do bà L kiện. Ông đã nhiều lần hỏi bà L về việc bà H - vợ của ông có nợ bà khoản nào không để ông biết nhưng bà L không cung cấp. Nay bà L yêu cầu ông có trách nhiệm cùng trả nợ, ông không đồng ý.

Bị đơn – Anh Phạm Minh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đòi ông L, bà H và anh C hoàn trả nợ gốc 70.000.000 đồng; bà tự nguyện yêu cầu tính lãi từ ngày 26/3/2020 (ngày hết hạn 14 tháng bà cho bà H hẹn trả nợ gốc) đến nay, tính tròn 11 tháng, theo lãi suất pháp luật quy định.

- Bà Nguyễn Thị H đồng ý một mình bà có trách nhiệm trả cho bà L 70.000.000 đồng; không đồng ý trả tiền lãi. Bà cho rằng bà không biết chữ nhưng bà nhớ rõ: Khi con trai ghi giấy nợ là năm 2017, không phải là ngày 25/01/2019 như trong giấy nợ gốc.

- Ông Phạm Minh L; anh Phạm Minh C vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 70.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc ông Phạm Minh L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Phạm Minh L có đơn xin vắng mặt; bị đơn - anh Phạm Minh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là bản gốc "*Giấy tay mượn tiền*" (bút lục 28) được bà Nguyễn Thị H thừa nhận có lăn tay vào giấy do con trai của bà H là Phạm Minh C trực tiếp viết. Hội đồng xét xử xác định số nợ bà Nguyễn Thị H vay 70.000.000 đồng là có thật, phù hợp với lời trình bày của bà H. Bà H cho rằng đã trả được 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng, sau đó do Covid – 19, bà không có việc làm nên không có khả năng trả nợ cho bà L nên né tránh bà L. Bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh và bà L không thừa nhận đã nhận số tiền trên nên việc bà chỉ đồng ý trả 55.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó xác định số nợ là 70.000.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Bà L yêu cầu ba người có trách nhiệm trả nợ gồm: Ông L, bà H và con trai là anh C. Bà H không đồng ý ông L và anh C có trách nhiệm trả nợ. Do trình bày của các đương sự không thống nhất về người trực tiếp giao dịch vay tiền vào ngày 25/01/2019 nên căn cứ vào chứng cứ do bà L cung cấp "Giấy tay mượn tiền" (bút lục 28) có chữ ký và lăn tay của 02 người: bà H và anh C; xác định, người trực tiếp vay tiền của bà L là bà H và anh C. Bà L khởi kiện yêu cầu ông L có trách nhiệm trả nợ nhưng bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh về nghĩa vụ

trả nợ của ông L nên xác định trách nhiệm trả nợ là thuộc về bà H và anh C. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc ông Phạm Minh L có trách nhiệm trả nợ.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi: Do trình bày của các bên không thống nhất về khoản tiền lãi phải trả khi lập hợp đồng vay "Giấy mượn tiền". Nên căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự, khi có tranh chấp về lãi suất, xác định lãi suất được tính là 10%/năm. Về tiền gốc, các đương sự thỏa thuận trả gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng, trong vòng 14 tháng kể từ ngày lập giấy (25/01/2019), tiền lãi phát sinh sẽ được tính từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo từng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn – bà L tự nguyện tính lãi tròn 11 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày hết hạn cuối cùng: 26/3/2020 đến nay (11 tháng 14 ngày). Do đó tiền lãi được tính là: 11 tháng x 10%/năm x 70.000.000 = 6.417.000 đồng.

[5] Tóm lại buộc bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L nợ gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi 6.417.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 76.417.000 đồng; trong đó bà H trả 38.208.500 đồng; anh C trả 38.208.500 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C; mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được Tòa án chấp nhận: 5% x 38.208.500 đồng = 1.910.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L 1.750.000 đồng theo biên lai số 0004636 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466, 468 và 290 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L: Buộc bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng; tiền lãi 6.417.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 76.417.000 đồng; trong đó bà Nguyễn Thị H trả 38.208.500 (ba mươi tám triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, năm trăm) đồng; anh Phạm Minh C trả 38.208.500 (ba mươi tám triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (13/3/2021) đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc ông Phạm Minh L có trách nhiệm trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Minh C; mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.910.000 (một triệu, chín trăm mười nghìn) đồng.

Ông Phạm Minh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L 1.750.000 (một triệu bảy trăm, năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0004636 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có mặt (bà L, bà H) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt (ông L, anh C) được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT ;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (O).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh- Đã ký